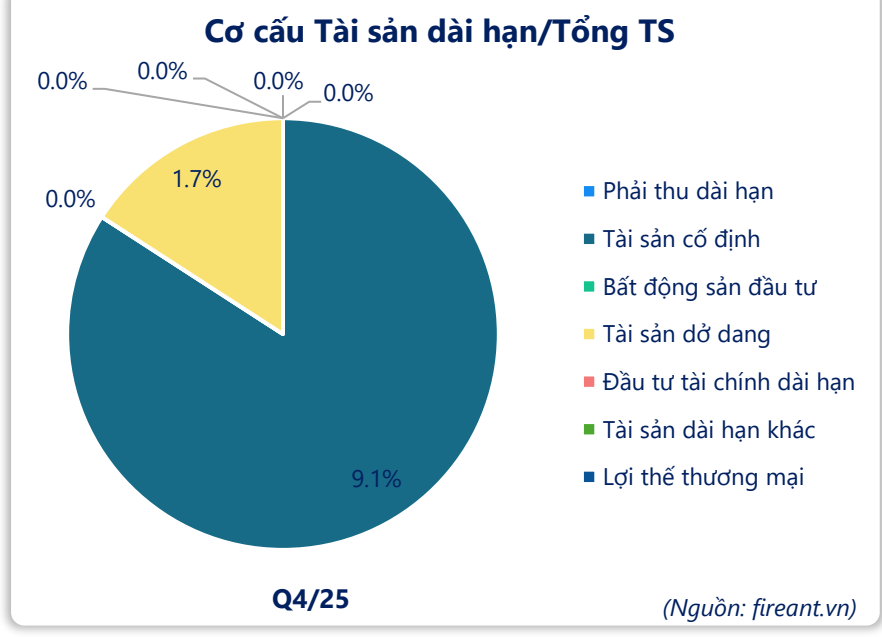
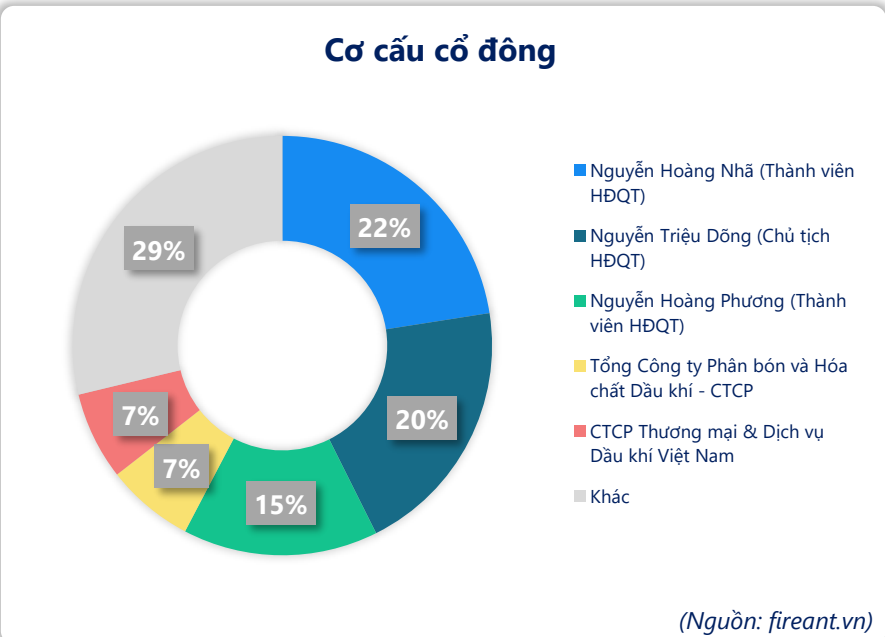
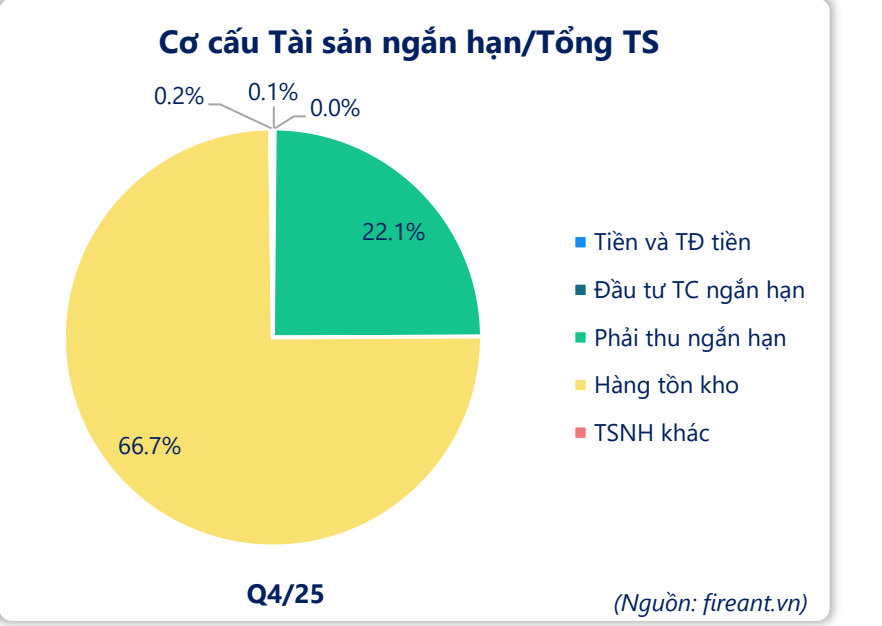
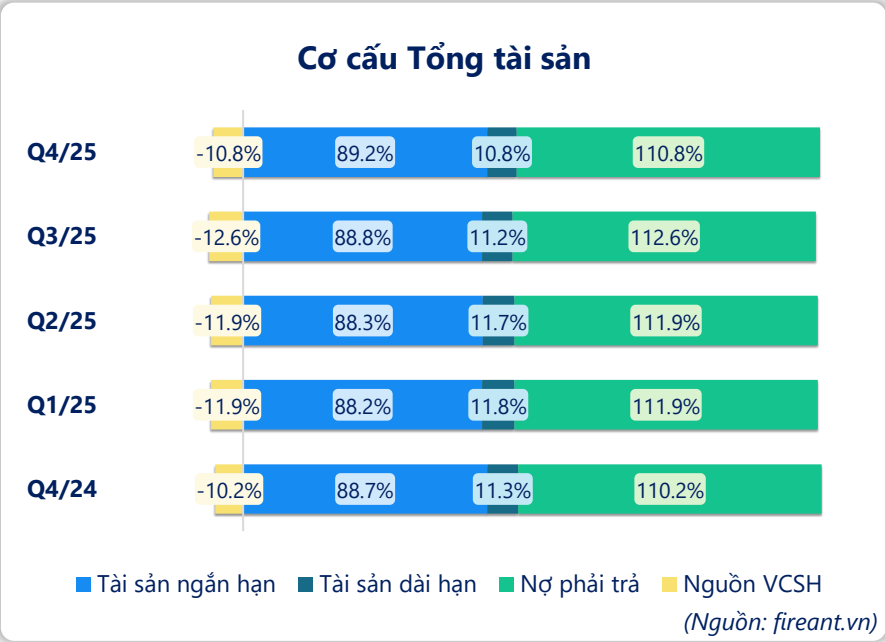
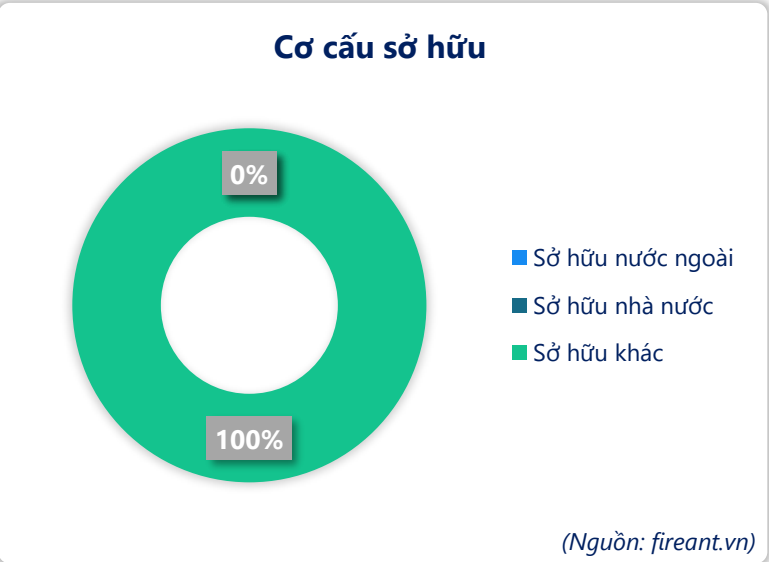
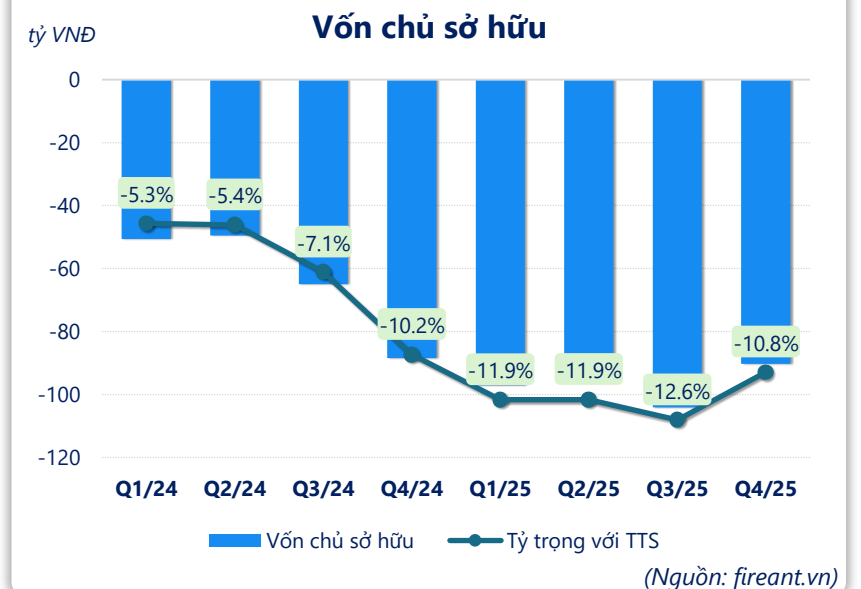
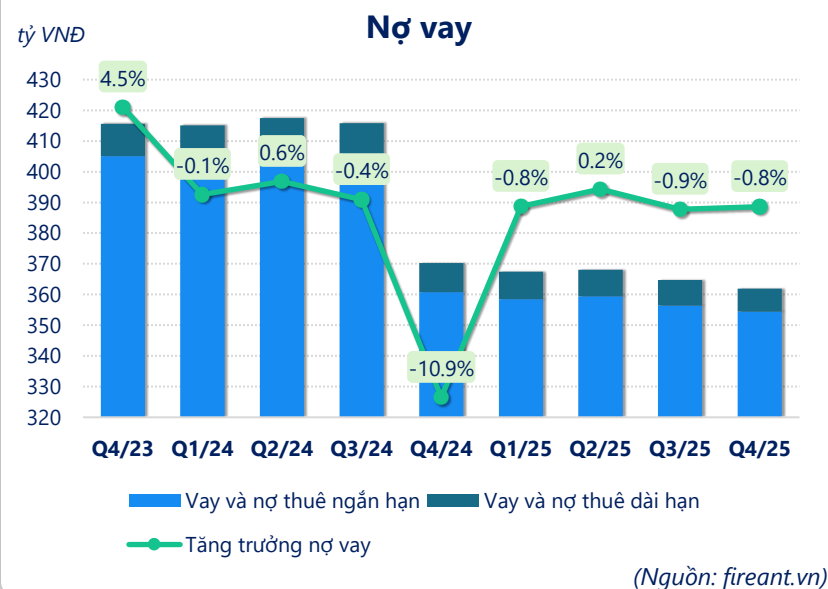
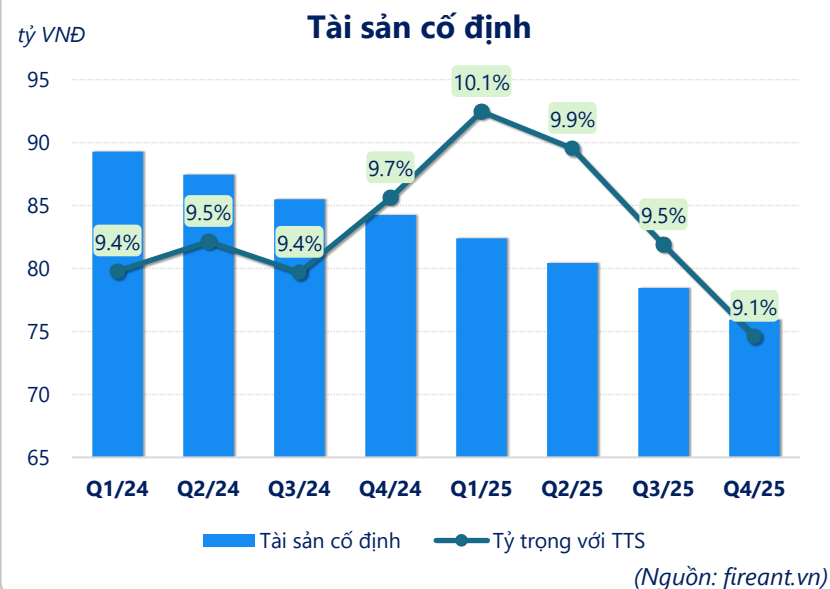
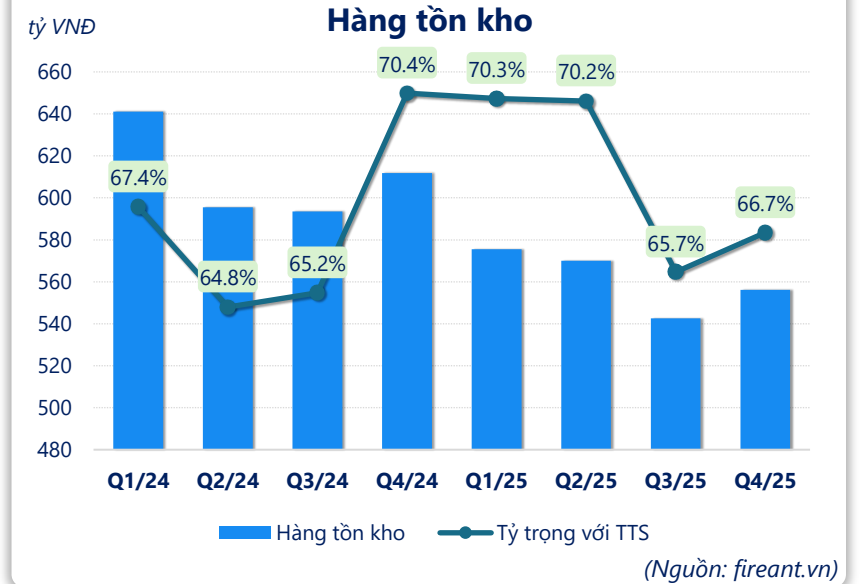
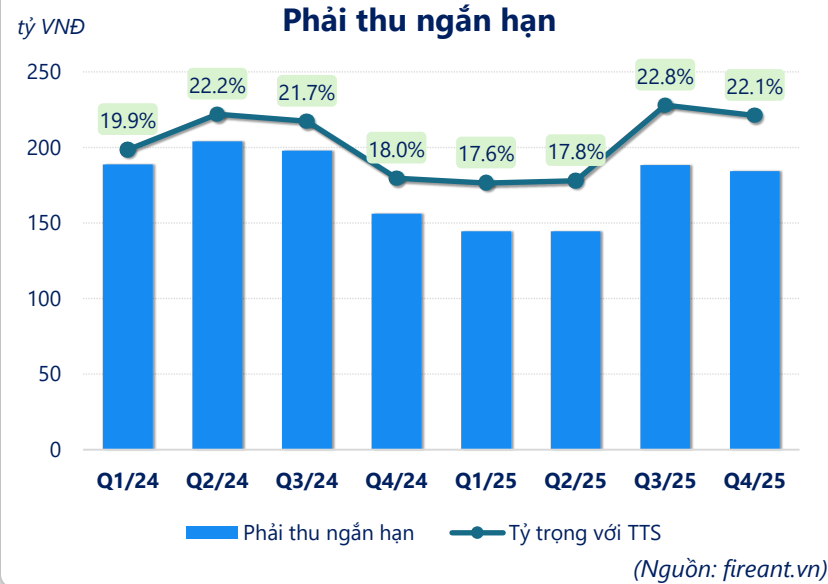
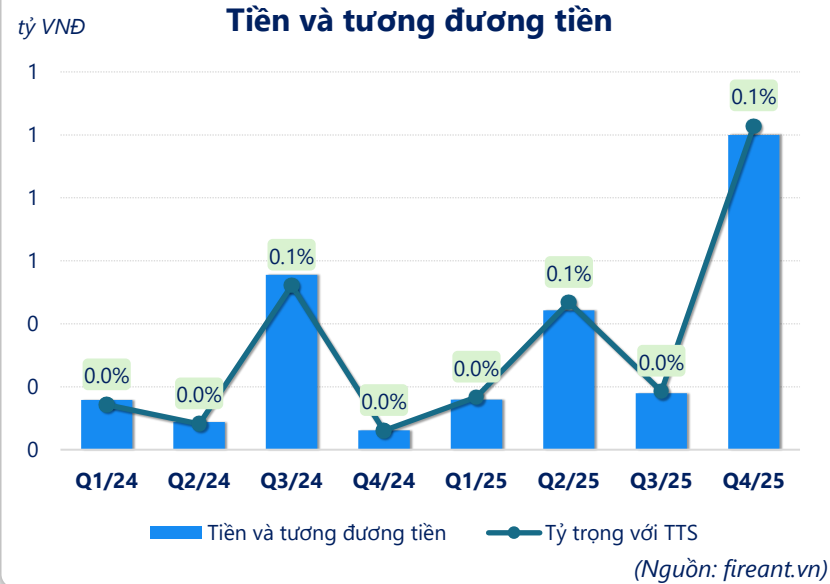
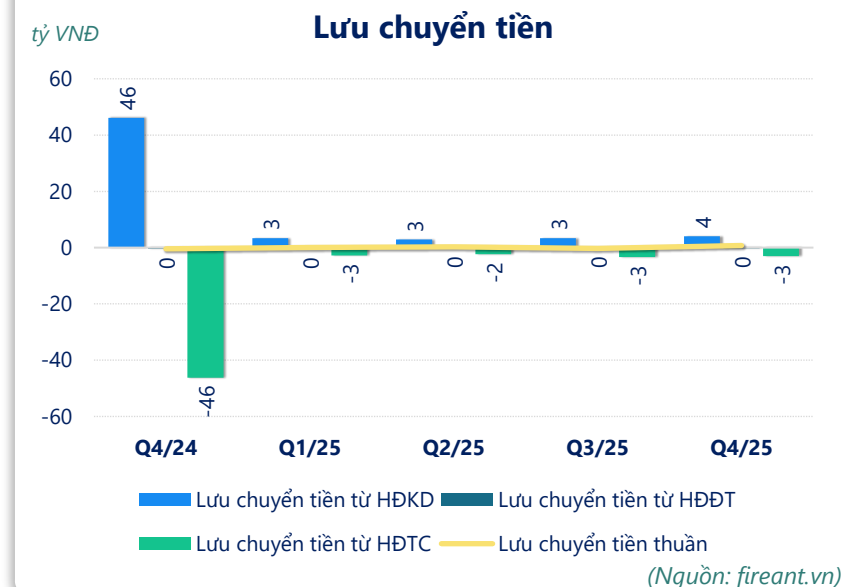
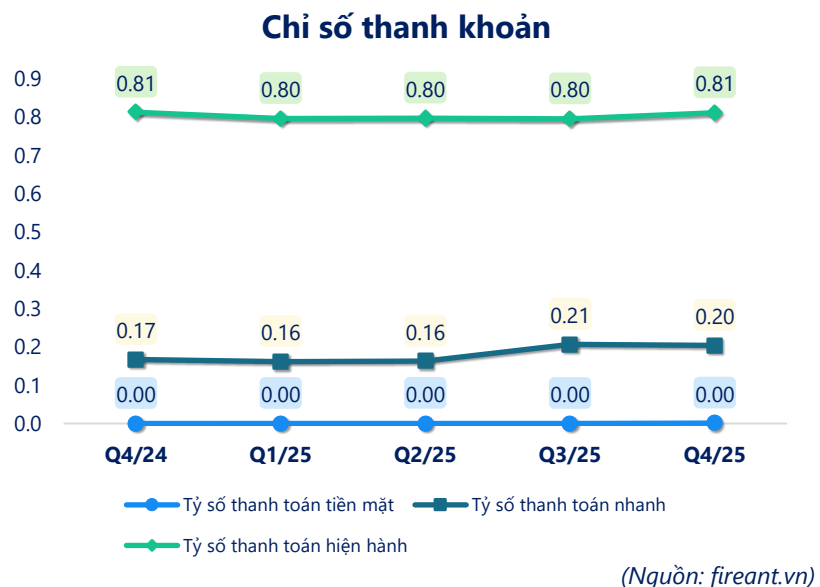
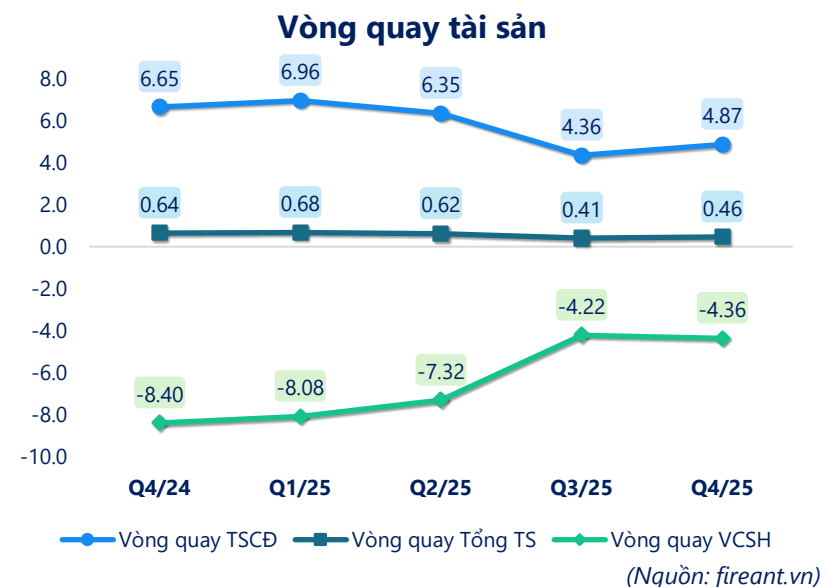
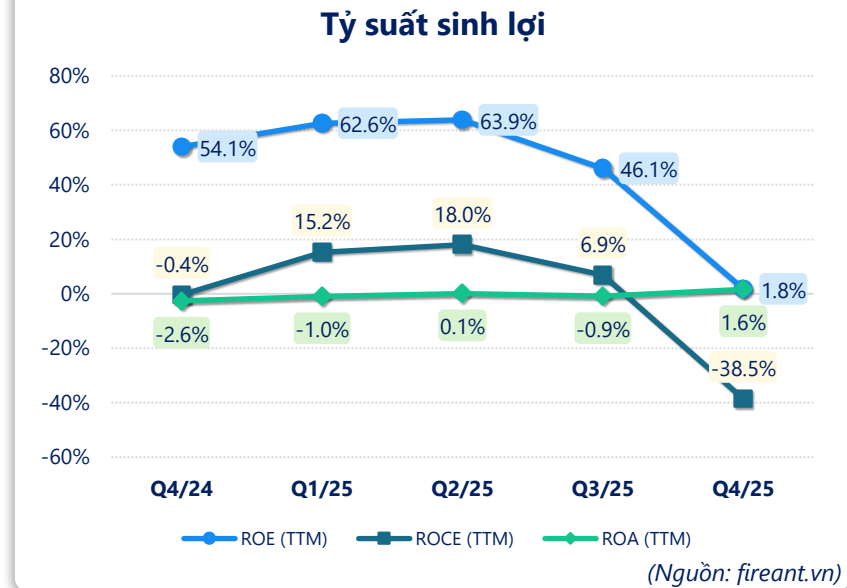
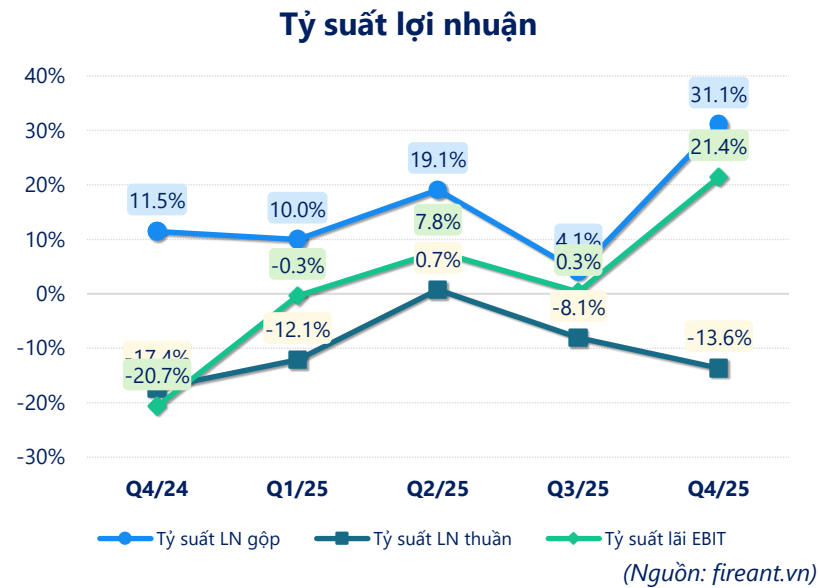
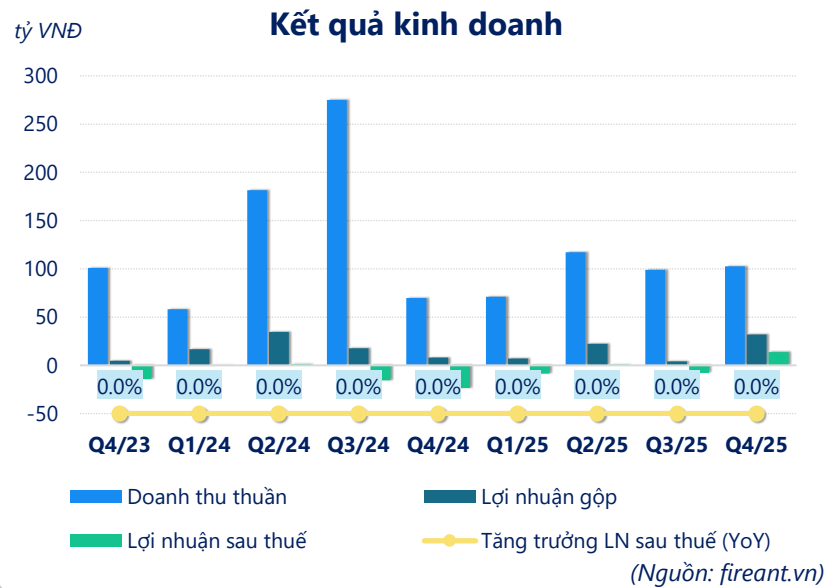


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		2,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		2,000
SL cổ phiếu LH		35,399,968
KLGD BQ 20 phiên (CP)		35
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		71
P/E		-43.6
EPS		-46

	YTD	1T	3T	6T
UXC	-57.4%	-23.1%	-33.3%	-68.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	833	868	-4.0%
Tài sản ngắn hạn	743	770	-3.5%
Tiền và tương đương tiền	1.00	0.06	1524%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	184	156	18.2%
Hàng tồn kho	556	612	-9.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.59	2.08	-23.6%
Tài sản dài hạn	90.3	98.6	-8.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	75.9	84.3	-9.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.3	14.3	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0.00	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	924	957	-3.5%
Nợ ngắn hạn	916	948	-3.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	354	361	-1.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	110	84.3	29.8%
Nợ dài hạn	7.52	9.48	-20.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	7.52	9.48	-20.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-90.3	-88.7	-1.8%
Vốn chủ sở hữu	-90.3	-88.7	-1.8%
Vốn điều lệ	354	354	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	69.8	71.2	117	98.9	103
Giá vốn hàng bán	61.8	64.1	94.8	94.8	70.8
Lợi nhuận gộp	8.00	7.09	22.4	4.09	31.9
Doanh thu HĐTC	-0.77	0.44	0.57	0.73	0.29
Chi phí TC	9.82	9.25	15.0	8.44	8.35
Chi phí lãi vay	9.09	8.19	8.20	8.26	8.16
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	9.04	5.08	5.18	3.00	3.33
Chi phí QLDN	0.48	1.82	1.89	1.38	34.5
LN thuần từ HĐKD	-12.1	-8.63	0.86	-8.00	-14.0
Lợi nhuận khác	-11.4	0.20	0.03	0.08	27.8
LN trước thuế	-23.5	-8.44	0.90	-7.92	13.8
Lợi nhuận sau thuế	-23.5	-8.44	0.90	-7.92	13.8
LNST của CĐ cty mẹ	-23.5	-8.44	0.90	-7.92	13.8

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	46.2	3.40	2.85	3.34	4.05
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.39	-0.49	-0.17	-0.25	-0.23
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-46.2	-2.82	-2.39	-3.36	-3.06
Tiền đầu kỳ	0.56	0.06	0.16	0.44	0.18
Lưu chuyển tiền thuần	-0.42	0.10	0.30	-0.26	0.75
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.07	0	-0.01	0	0.07
Tiền cuối kỳ	0.06	0.16	0.44	0.18	1.00

(Nguồn: fireant.vn)